CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 168/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 14, khoản 5 Điều 18, điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 25 Luật Dân số bao gồm:

a) Điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai; mức hỗ trợ tài chính và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính khi sinh con theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Dân số;

b) Chăm sóc người cao tuổi tại nhà, chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Luật Dân số;

c) Phạm vi, đối tượng, mức hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh theo lộ trình ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Dân số;

d) Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Dân số.

2. Biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành về hỗ trợ tài chính khi sinh con, khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh, mức chi trả thù lao hằng tháng cho cộng tác viên dân số.

Điều 2. Điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai

1. Điều kiện hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai

Lao động nữ sinh con thứ hai, lao động nam khi vợ sinh con thứ hai đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số thuộc các trường hợp sau:

a) Lao động nữ khi sinh con mà tại thời điểm sinh có một con đẻ còn sống;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Lao động nam khi vợ sinh con mà tại thời điểm sinh, người vợ có một con đẻ còn sống.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Bảo hiểm xã hội không được hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai thực hiện theo pháp luật về bảo hiểm xã hội và quy trình giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Người kê khai chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai đề nghị hưởng chế độ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính

1. Mức hỗ trợ tài chính tối thiểu là 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con thuộc các trường hợp sau:

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người;

b) Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế;

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi.

Phụ nữ khi sinh con đồng thời thuộc các trường hợp được quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này thì được hưởng một mức hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí khi sinh con

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp xã) căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều này cùng với thời điểm đăng ký khai sinh.

Điều 4. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

1. Nội dung chăm sóc

a) Cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc, phòng bệnh, phát hiện sớm, chăm sóc người cao tuổi khi mắc một số bệnh thường gặp;

b) Hỗ trợ người cao tuổi nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần; duy trì kết nối xã hội;

c) Hỗ trợ người cao tuổi trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày.

2. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại nhà

a) Người thân của người cao tuổi;

b) Người giúp việc gia đình theo quy định của pháp luật về lao động;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Người thực hiện chăm sóc theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này theo sự phân công của trạm y tế cấp xã để thực hiện chăm sóc người cao tuổi cô đơn và có nhu cầu chăm sóc tại nhà.

Điều 5. Các hình thức chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

1. Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng là tổ chức không có tư cách pháp nhân do Hội người cao tuổi, các tổ chức khác thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng là mô hình đặc thù thuộc trạm y tế, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn theo hình thức sáng đi tối về. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng không có tư cách pháp nhân, không thực hiện các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; đặt tại địa điểm sẵn có của xã là trạm y tế xã hoặc điểm trạm y tế xã hoặc Nhà văn hóa hoặc địa điểm phù hợp khác.

Điều 6. Nội dung chăm sóc người cao tuổi trong câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

1. Nội dung chăm sóc người cao tuổi trong câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng:

a) Hướng dẫn kiến thức, kỹ năng chăm sóc, phòng bệnh, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần; phát hiện nguy cơ bệnh sớm, tự chăm sóc bản thân khi mắc một số bệnh thường gặp;

b) Tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao; luyện tập dưỡng sinh và các bài thể dục khác để nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần;

c) Tổ chức các hoạt động để phát huy vai trò, kinh nghiệm phù hợp với sở thích, nhu cầu của thành viên câu lạc bộ.

2. Khuyến khích người đứng đầu câu lạc bộ đưa các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này vào nội dung hoạt động của câu lạc bộ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

1. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng là hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Nội dung chăm sóc

a) Hướng dẫn kiến thức, kỹ năng chăm sóc, phòng bệnh, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần; phát hiện nguy cơ bệnh sớm, tự chăm sóc bản thân khi mắc một số bệnh thường gặp;

b) Tổ chức hoạt động thể dục, thể thao; luyện tập dưỡng sinh nâng cao sức khỏe;

c) Hướng dẫn và thực hiện chăm sóc người cao tuổi trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm y tế cấp xã trên cơ sở số người cao tuổi, người làm việc tại điểm, địa điểm cụ thể theo đề nghị của trạm y tế cấp xã, bảo đảm an toàn, phù hợp với đặc điểm của người cao tuổi.

Điều 8. Người chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

1. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

a) Tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi là người tự nguyện tham gia hỗ trợ người cao tuổi trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày tại nhà theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định này và tại điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Tình nguyện viên tham gia chăm sóc người cao tuổi không hưởng thù lao và thực hiện theo phân công của trạm y tế cấp xã;

b) Người làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, nhân viên công tác xã hội tham gia chăm sóc người cao tuổi tại nhà theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này, tại điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo chế độ kiêm nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này và nhiệm vụ khác theo sự phân công của trạm y tế cấp xã.

2. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được trạm y tế cấp xã tập huấn, hướng dẫn về hỗ trợ người cao tuổi trong sinh hoạt hằng ngày.

3. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được tập huấn theo hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 9. Phạm vi, đối tượng khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

1. Phụ nữ mang thai được khám và thực hiện các phương pháp sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh cơ bản: Hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia (tan máu bẩm sinh) (sau đây gọi là gói dịch vụ sàng lọc trước sinh).

2. Trẻ sơ sinh được khám và thực hiện các phương pháp sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh cơ bản: Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, bất thường tim bẩm sinh nặng (sau đây gọi là gói dịch vụ sàng lọc sơ sinh).

Điều 10. Mức hỗ trợ tài chính, phương thức thực hiện, lộ trình ưu tiên khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

1. Mức hỗ trợ tài chính, phương thức thực hiện:

a) Mức hỗ trợ khám sàng lọc các bệnh bẩm sinh trước sinh tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này được thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không vượt quá 900.000 đồng/trường hợp và các bệnh bẩm sinh sơ sinh tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này được thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không vượt quá 600.000 đồng/trường hợp.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì thực hiện mức hỗ trợ tài chính theo giá gói dịch vụ được phê duyệt.

Mức hỗ trợ trên được chi trả trực tiếp cho cơ sở y tế thu thập mẫu và cơ sở y tế thực hiện các kỹ thuật sàng lọc.

b) Phương thức thực hiện khám sàng lọc các bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh thực hiện theo quy định pháp luật về giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Đối với cơ sở thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh khi được Nhà nước đặt hàng giao hoặc nhiệm vụ mà chưa đủ năng lực thực hiện toàn bộ gói dịch vụ thì được phép ký hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với các cơ sở y tế khác đáp ứng đủ năng lực chuyên môn.

2. Lộ trình ưu tiên:

a) Từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo được sử dụng miễn phí gói dịch vụ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được hưởng hỗ trợ gói dịch vụ quy định tại Điều 9 Nghị định này và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

Điều 11. Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số

1. Cộng tác viên dân số là người làm công tác dân số ở thôn, bản, khóm, ấp, buôn, bon, làng, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:

a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;

b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại.

3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con quy định tại Điều 3 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm.

2. Kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh:

a) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, ngân sách địa phương chi trả cho đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, ngân sách nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 chi trả cho đối tượng quy định tại Điều 9 Nghị định này đến khi danh mục các bệnh khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh được cấp có thẩm quyền quy định trong danh mục bệnh được hưởng bảo hiểm y tế theo lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế và khả năng cân đối quỹ bảo hiểm y tế;

c) Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí chi cho hoạt động của điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng gồm:

a) Ngân sách địa phương;

b) Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí chi trả thù lao hằng tháng cho cộng tác viên dân số theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm.

5. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân tham gia hỗ trợ, tài trợ chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; xây dựng, hình thành điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế

a) Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này; điểm a, b khoản 1 Điều 6 Nghị định này và điểm a, c khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

b) Hướng dẫn triển khai thực hiện tập huấn về chăm sóc người cao tuổi cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c) Hướng dẫn tổ chức đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật về sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chỉ đạo tổ chức thực hiện các dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các địa phương, đơn vị không tự thực hiện theo quy định pháp luật về đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ;

d) Hướng dẫn một số nội dung chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách trung ương để thực hiện các quy định tại Nghị định này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Bổ sung trường hợp sinh con thứ hai quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này vào quy trình giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

c) Định kỳ Cơ quan thống kê Trung ương công bố tình trạng mức sinh, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh toàn quốc, theo vùng kinh tế - xã hội, theo tỉnh, thành phố tại thời điểm công bố Niên giám thống kê quốc gia hằng năm; công bố dân số theo dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam chu kỳ 05 năm 1 lần vào quý II của các năm có số cuối là 5 và 0 để Chính phủ và các tỉnh, thành phố xây dựng, thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp để duy trì mức sinh thay thế, biện pháp can thiệp để giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

3. Bộ Xây dựng

Hướng dẫn, theo dõi mức độ đáp ứng của các công trình cơ sở hạ tầng, dịch vụ tiện ích trong công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, nhà ở xã hội và phát triển đô thị để phù hợp với người cao tuổi.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bố trí, đảm bảo kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện quy định tại Nghị định này;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ tài chính khi sinh con tại Điều 3 Nghị định này;

c) Tổ chức thực hiện, theo dõi thi hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này, điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này và điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp mức thù lao mới của cộng tác viên dân số cao hơn mức hiện hưởng thì cộng tác viên dân số hưởng mức đang hiện hưởng đến hết năm 2026, phần chênh lệch thù lao từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 sẽ được chi trả vào năm 2027.

2. Trường hợp phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 66

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phạm Thị Thanh Trà

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn